

Số: 643/TM-VTTB

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2026

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

### Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Đan Phượng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Đan Phượng.
  - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
    - Đ/c Nguyễn Quý Hợi - TP. Vật tư TBYT, Bệnh viện đa khoa Đan Phượng
    - SĐT: 0982229636
    - Email: [dauthaumuasam.bvdp@gmail.com](mailto:dauthaumuasam.bvdp@gmail.com)
  - Cách thức tiếp nhận báo giá:
    - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: **Phòng Văn thư (Tầng 1, Nhà A) - Bệnh viện đa khoa Đan Phượng, Thị Trấn Phùng Đan Phượng, Hà Nội**
    - Đồng thời gửi qua email: [dauthaumuasam.bvdp@gmail.com](mailto:dauthaumuasam.bvdp@gmail.com)
  - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 16 tháng 4 năm 2025 đến trước 11h 30 ngày 27 tháng 4 năm 2026.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2026.

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục: Danh mục mua sắm Thiết bị y tế năm 2026 Bệnh viện đa khoa Đan Phượng (chi tiết theo phụ lục đính kèm)



2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Thiết bị y tế được vận chuyển, cung cấp, lắp đặt đến Khoa sử dụng, Bệnh viện đa khoa Đan Phượng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo thoả thuận.

5. Các thông tin khác: Giá báo giá bao gồm toàn bộ chi phí (thuế, lệ phí, bảo hành, bảo trì, vận chuyển, ...) chủ đầu tư không phải chịu thêm bất kỳ chi phí nào khác.

Các đơn vị cung cấp báo giá, kèm các tài liệu chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan thiết bị y tế theo *mẫu kèm theo*.

Các đơn vị cung cấp báo giá Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: Vt.

GIÁM ĐỐC



Quách Duy Kỳ



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời số 643/TM-VTTB ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đan Phượng)

### A. Danh mục- Số lượng trang thiết bị y tế mua sắm năm 2026:

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐV	SỐ LƯỢNG
1	Máy đo đông máu tự động (công suất $\geq 120$ xét nghiệm/giờ)	Máy	01
2	Hệ thống nội soi tai mũi họng (bao gồm ghế khám, bàn khám điều trị tai mũi họng)	Hệ thống	01
3	Máy siêu âm tổng quát ( $\geq 4$ đầu dò)	Máy	01
4	Máy phá rung tim (2 pha có tạo nhịp)	Máy	04
5	Máy hút dịch áp lực thấp	Máy	01
6	Giường cấp cứu đa năng có điều khiển	Máy	03

### B. Yêu cầu cấu hình và yêu cầu kỹ thuật mua sắm thiết bị y tế năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đan Phượng

#### 1. Máy đo đông máu tự động (công suất $\geq 120$ xét nghiệm/giờ)

STT	Cấu hình - Yêu cầu kỹ thuật lựa chọn
<b>I</b>	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau
	Đáp ứng TCQL chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
	Nguồn cung cấp: 220V-, 50 Hz
	Điều kiện môi trường hoạt động:
	Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
	Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>
	Máy chính và bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Máy tính : 01 bộ
	Máy in laser trắng đen: 01 chiếc

	Bộ lưu điện online $\geq 1$ KVA: 01 bộ
	Bộ hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ bao gồm: + Hóa chất PT: 01 hộp + Hóa chất APTT: 01 hộp + Hóa chất Fib: 01 hộp + Clean Solution: 01 hộp + Cuvette: 1 thanh + Calibrator và QC tương ứng với thuốc thử ban đầu: mỗi loại 01 lọ mỗi mức.
	Tài liệu hướng dẫn và sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>
	<b>Máy chính</b>
	Danh mục xét nghiệm, tối thiểu gồm: Xét nghiệm cục đông, so màu và miễn dịch
	Bước sóng: $\geq 2$ bước sóng
	Số kênh đo: $\geq 4$
	Tính năng: phát hiện cục đông trong mẫu, phát hiện mẫu dương
	Tốc độ:
	+ PT: $\geq 120$ xét nghiệm/giờ
	+ APTT: $\geq 120$ xét nghiệm/giờ
	Hoạt động liên tục: Có
	Có khả năng lấy mẫu ống đóng qua hệ thống đâm xuyên nắp
	Có khả năng nạp mẫu hoặc thuốc thử một cách liên tục
	Có khả năng nạp thêm công phản ứng bất cứ lúc nào
	Khả năng đặt mẫu trên máy: $\geq 31$ vị trí
	Số lượng thuốc thử trên máy: $\geq 16$ vị trí được làm lạnh
	Bộ đọc mã vạch: được tích hợp trên máy
	Số lượng cuvet trên máy: $\geq 240$ chiếc
	Có khả năng pha loãng mẫu
	Có khả năng xử lý các mẫu cấp cứu tại bất cứ thời điểm nào

	Xét nghiệm chạy lại: tự động hoặc tùy biến theo nhu cầu
	Xét nghiệm tham chiếu: có
	Hiển thị đường cong phản ứng
	Chương trình kiểm tra QC: có
	Lưu trữ dữ liệu bệnh nhân: $\geq 100.000$ kết quả xét nghiệm
	Hệ thống bảo mật: có
	Có nhật ký theo dõi hệ thống
	Tự động phát hiện mức chất lỏng
	Thời gian chờ cho kết quả PT đầu tiên: $\leq 6$ phút
	Kết nối LIS 2 chiều
	Danh mục xét nghiệm tối thiểu có: PT, APTT, Fibrinogen, Thrombin Time, Heparin, D-Dimer, Antithrombin, Protein C, Protein S, Các yếu tố von Willebrand, Yếu tố nội sinh, Yếu tố ngoại sinh, Plasminogen
	Thể tích mẫu xét nghiệm tối đa: $\leq 260 \mu\text{l}$
	Hệ thống mở dùng được hầu hết các thuốc thử thông dụng
	<b>Máy tính</b>
	<p>- <b>CPU:</b>  + Bộ vi xử lý <math>\geq 2.4</math> GHz Dual Core  + RAM: <math>\geq 4</math>GB  + Bộ nhớ: <math>\geq 60</math>GB</p> <p>- <b>Màn hình:</b>  + Kích thước <math>\geq 21</math> inch  + Độ phân giải FHD <math>\geq (1920 \times 1080 \text{ pixels})</math>  - Bàn phím + Chuột</p>
	<p><b>Máy in laser trắng đen:</b>  Kiểu giấy: A4  Tốc độ in: <math>\geq 30</math> trang/phút  Độ phân giải <math>\geq 1200 \times 1200 \text{ dpi}</math></p>
	<p><b>Bộ lưu điện online <math>\geq 1</math> KVA: 01 bộ</b>  Loại: Online  Công suất: 1 KVA</p>

AN  
NH  
ĐA K  
AN P  
7

<b>IV</b>	<b>YÊU CẦU KHÁC</b>
	Thời gian giao hàng, lắp đặt: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng
	Bảo trì 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành hoặc theo quy định về thời gian bảo trì của Hãng sản xuất
	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thiết bị phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam
	Cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 8 năm
	Cam kết cung cấp phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng đối với các thiết bị phải kiểm định chất lượng theo quy định.
	Cam kết cung cấp các chứng chỉ xuất xứ (C/O), chứng chỉ chất lượng (C/Q), tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (invoice), phiếu đóng gói (Packing list), vận tải đơn (bill) khi giao hàng.
	Cam kết có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý sự cố khi nhận được yêu cầu của người sử dụng
	Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.



## 2. Hệ thống nội soi tai mũi họng (bao gồm ghế khám, bàn khám điều trị tai mũi họng)

<b>STT</b>	<b>Cấu hình - Yêu cầu kỹ thuật lựa chọn</b>
<b>TT</b>	<b>Cấu hình - yêu cầu kỹ thuật lựa chọn</b>
<b>I.</b>	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>
	-Số lượng: 01 máy
	- Đáp ứng tiêu chuẩn QL chất lượng: ISO 13485, hoặc tương đương
	-Điện áp cung cấp: 220 VAC, 50 Hz
	-Điều kiện Môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa tới ≥ 30°C + Độ ẩm tối đa tới ≥ 70%
<b>II</b>	<b>Yêu cầu cấu hình</b>

	- Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng LED / Hoặc : - Bộ xử lý hình ảnh Camera; Dây dẫn sáng; Nguồn sáng LED: 01 Bộ
	-Màn hình cảm ứng tích hợp - và Màn hình hiển thị hình ảnh: 01 bộ/ hoặc Màn hình hiển thị Full HD $\geq 24"$ : 01 chiếc
	- Pedal điều khiển chụp ảnh/quay video ( $\geq 01$ pedal), cho phép thao tác rảnh tay
	- Hệ thống in trả kết quả, bao gồm: + Máy tính: 01 chiếc + Màn hình LCD: 01 chiếc + Máy in màu: 01 chiếc
	- Xe đẩy hệ thống: 01 chiếc
	- Ống soi $\varnothing \leq 4, 175\text{mm}$ , $70^\circ$ : 01
	- Ống soi $\varnothing \leq 4, 175\text{mm}$ , $0^\circ$ : 01
	- Ống soi mềm $\varnothing \leq 4.9$ mm có kênh làm việc: 01bộ (dùng nhiều lần)
	- Ghế khám TMH: 01
	- Bàn khám và điều trị tai mũi họng: 01
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng Việt-Anh: 01 bộ
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>
<b>1</b>	Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng LED hoặc Bộ xử lý hình ảnh gồm Camera: 01; Dây dẫn sáng: 01 - Nguồn sáng LED tích hợp:
	- Bộ xử lý hình ảnh Tương thích với nhiều loại đầu camera , ống soi cứng , ống soi mềm và video khác nhau
	- <b>Camera</b>
	+ Công nghệ cảm biến CMOS $\geq 1/2.3"$ Hoặc 3 CMOS
	+ Dải tiêu cự ống kính: đến $\geq 30$ mm.
	+ Phóng đại tối đa $\geq 1.5x$
	- Hỗ trợ tự động lưu ảnh hoặc video vào bộ nhớ trong hoặc USB, hình ảnh định dạng JPEG, TIFF
	- Cho phép quản lý bệnh nhân và lưu hồ sơ
	- Nhập và chỉnh sửa dữ liệu bệnh nhân
	- Hỗ trợ cân bằng trắng (White Balance)
	- Nguồn sáng được tích hợp trực tiếp vào hệ thống



	- Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixels
	- Màn hình cảm ứng LCD : Có
	- Phần mềm/ Chức năng điều chỉnh hình ảnh/ video: + Độ sáng: + Tương phản vùng sáng - tối + Điều chỉnh Độ bão hòa màu sắc hoặc tông màu + Độ sắc nét
	- Màn hình hiển thị hình ảnh $\geq 24$ inch + Độ phân giải: $1920 \times 1080$ Pixel + Độ sáng: $\geq 300$ cd/m <sup>2</sup> + Độ tương phản $\geq 700:1$ + Góc quan sát: $\geq 89^\circ$ trái/ phải & trên/xuống.
	- Nguồn sáng LED
	+ Có chức năng sử dụng công nghệ ánh sáng dải hẹp giúp tăng cường tương phản niêm mạc + Có thể điều chỉnh cường độ sáng
	+ Tuổi thọ bóng đèn $\geq 10,000$ giờ
	+ Nhiệt độ màu $\geq 4500$ K
	<b>- Hệ thống in trả kết quả, bao gồm:</b>
	+ Máy tính: 01 CPU : Core i5, RAM: $\geq 8$ GB. Ổ cứng: $\geq 500$ GB. +Màn hình: LCD $\geq 21$ inch, độ phân giải $\geq 1920 \times 1080$ pixels.
	+ Máy in màu : - tốc độ in $\geq 15$ tờ/phút, độ phân giải $\geq 5760 \times 1440$ dpi.
	- Xe đẩy hệ thống: 01 chiếc
	+ Xe có khay đựng máy, có ổ cấp nguồn, có ngăn để chuột và bàn phím, có giá đỡ ống soi và giá để camera
	+ Bánh xe có phanh hãm
	<b>Ống Soi :</b>
	- Ống soi $\varnothing \leq 4, \geq 175$ mm, $70^\circ$ : 01
	- Ống soi $\varnothing \leq 4, \geq 175$ mm, $0^\circ$ : 01
	- Ống soi mềm $\varnothing \leq 4.9$ mm có kênh làm việc dùng nhiều lần: 01
	+Chiều dài làm việc $\geq 320$ mm đến $\leq 365$ mm

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khả năng uốn cong <math>\geq 130^\circ</math> lên và <math>\geq 130^\circ</math> xuống</li> <li>+ Trường quan sát: <math>\geq 80^\circ</math></li> </ul> <p>Bao gồm: hộp đựng, Kim gấp dị vật và thiết bị kiểm tra rò rỉ.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây dẫn sáng:</li> <li>+ Đường kính <math>\varnothing \leq 3.5</math> mm</li> <li>+ Cáp dài <math>\geq 180</math> cm</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hỗ trợ quan sát ánh sáng ở dải bước sóng hẹp</li> </ul>
	<p><b>Bộ máy tính, máy in và phần mềm trả kết quả</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Máy tính cấu hình tối thiểu: <ul style="list-style-type: none"> <li>o CPU Core i5, RAM: 8 GB.</li> <li>o Ổ cứng: 500 GB.</li> <li>o Màn hình: LCD <math>\geq 24</math> inch, độ phân giải <math>\geq 1920 \times 1080</math> pixels.</li> <li>o Bàn phím và chuột kèm theo.</li> <li>o Máy in màu: tốc độ in <math>\geq 15</math> tờ/phút, độ phân giải <math>\geq 5760 \times 1440</math> dpi.</li> <li>o Windows bản quyền hoặc tương đương.</li> <li>o Phần mềm in trả kết quả: tương thích với hệ điều hành máy tính.</li> </ul> </li> </ul>
	<p><b>Ghế khám TMH:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Điều khiển điện hoặc thủy lực</li> <li>+Điều chỉnh độ cao: 500 – <math>\leq 700</math> mm</li> <li>+Có thể ngả lưng <math>\geq 150^\circ</math></li> <li>+Có tựa đầu điều chỉnh đa hướng</li> <li>Có tay vịn, đế chân</li> <li>+ Có khả năng xoay <math>\geq 300^\circ</math></li> </ul>
	<p><b>Bàn khám và điều trị tai mũi họng: --Tích hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hệ thống hút dịch</li> <li>+ Hệ thống phun khí/thuốc</li> <li>+ Đèn chiếu khám</li> <li>+ khay dụng cụ</li> <li>+ Có hệ thống điều khiển trung tâm</li> <li>+ Có giá treo nội soi và màn hình</li> <li>+ Có hệ thống khử khuẩn</li> </ul>
<b>IV</b>	<b>YÊU CẦU KHÁC</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối, chuyển hình ảnh với máy tính bằng mạng LAN hoặc HD-SDI</li> </ul>

	- Hỗ trợ kết nối hệ thống thông tin bệnh viện (HIS/PACS) – tương thích HL7 và DICOM
	Thời gian giao hàng, lắp đặt: ≤ 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng
	Bảo trì 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành hoặc theo quy định về thời gian bảo trì của Hãng sản xuất
	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thiết bị phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam
	Cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 8 năm
	Cam kết cung cấp phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng đối với các thiết bị phải kiểm định chất lượng theo quy định.
	Cam kết cung cấp các chứng chỉ xuất xứ (C/O), chứng chỉ chất lượng (C/Q), tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (invoice), phiếu đóng gói (Packing list), vận tải đơn (bill) khi giao hàng.
	Cam kết có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý sự cố khi nhận được yêu cầu của người sử dụng
	Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.

### 3. Máy siêu âm tổng quát (≥ 4 đầu dò)

STT	Cấu hình - Yêu cầu kỹ thuật lựa chọn
I	<b>YÊU CẦU CHUNG:</b>
	Số lượng: 01 Bộ
	- Thiết bị mới 100%, thân máy chính và đầu dò sản xuất năm 2025 trở về sau
	- Tiêu chuẩn chất lượng máy chính: ISO 13485, EU hoặc EC hoặc tương đương
	Nguồn điện: Phù hợp với nguồn điện của Việt Nam

	- Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa $\geq 30$ độ C + Độ ẩm tối đa $\geq 75\%$ , không ngưng tụ
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>
	Máy chính: 01 Chiếc
	Đầu dò Convex đa tần: 01 chiếc
	Đầu dò Linear đa tần: 01 chiếc
	Đầu dò tim đa tần: 01 Chiếc
	Đầu dò phụ khoa: 01 chiếc
	Phần mềm siêu âm Doppler liên tục: 01 bộ
	Phần mềm kết nối DICOM 3.0: 01 bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ
	<b>Phụ kiện</b>
	Máy in nhiệt đen trắng kèm 01 cuộn giấy in: 01 Chiếc
<b>III</b>	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>
	Máy siêu âm Doppler màu dùng cho thăm khám Ổ bụng, sản khoa, phụ khoa, niệu khoa, nhi khoa, các phần nhỏ, cơ xương khớp,...
	- Có các phương pháp quét tối thiểu: Convex điện tử; Linear điện tử; Microconvex điện tử
<b>1.</b>	<b>Máy chính</b>
	<b>Thân máy chính</b>
	- Thiết kế loại xe đẩy
	- Số ổ cắm đầu dò hoạt động: $\geq 04$ cổng
	- Dung lượng ổ cứng trong: dung lượng $\geq 500$ GB

	- Tốc độ khung hình tối đa: $\geq 660$ khung hình/giây
	- Số kênh xử lý số hóa: $\geq 570.000$ kênh
	- Dải tần số: $\leq 3.5$ đến $\geq 18$ MHz (Phụ thuộc đầu dò)
	- Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia siêu âm từ nhiều hướng (Hình ảnh phức hợp không gian) lên đến $\geq 9$ góc quét hoặc có công nghệ siêu âm không có điểm hội tụ.
	- Dải động: $\geq 260$ dB
	- Hình ảnh hòa âm mô
	- Tự động tối ưu hóa hình ảnh
<b>2.</b>	<b>Màn hình:</b>
	- Màn hình hiển thị:
	+ Kích thước màn hình: $\geq 21.5$ inches
	+ Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ điểm ảnh
<b>3.</b>	<b>Bảng điều khiển và giao diện sử dụng</b>
	- Màn hình điều khiển: cảm ứng, kích thước $\geq 10.4$ inches
<b>4.</b>	<b>Đầu dò</b>
	- <b>Đầu dò Convex đa tần</b>
	Ứng dụng: Sản, phụ khoa, niệu khoa
	Dải tần: $\leq 2.0 - \geq 5.0$ MHz
	Số chấn tử: $\geq 128$
	FOV: $\geq 58^\circ$
	<b>Đầu dò linear đa tần</b>
	Ứng dụng: mạch máu, bộ phận nhỏ

	Dải tần: $\leq 5 - \geq 13$ MHz
	Số chân tử: $\geq 128$
	<b>Đầu dò Sector đa tần</b>
	Ứng dụng: Tim
	Dải tần số: $\leq 2 - \geq 4$ MHz
	Số chân tử: $\geq 64$
	FOV: $\geq 120^\circ$
	<b>Đầu dò Phụ khoa đa tần</b>
	Ứng dụng: Sản phụ khoa, niệu khoa
	Dải tần: $\leq 4 - \geq 10$ MHz
	Số chân tử: $\geq 128$
	FOV (trường nhìn): $\geq 168^\circ$
<b>5.</b>	<b>Các chế độ hoạt động tối thiểu có:</b>
	- B-mode, Hòa âm mô, M-mode, Mode dòng màu, Mode Doppler năng lượng, Mode Doppler xung, Mode Doppler liên tục
<b>6.</b>	<b>Các kiểu hiển thị hình ảnh tối thiểu có:</b>
	- Khả năng hiển thị đồng thời các mode
	- Có thể lựa chọn hiển thị xen kẽ các Mode
<b>7.</b>	<b>Các thông số quét:</b>
	<i>- Thông số quét của Mode B:</i>
	Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: $\geq 80$ dB
	Dải động điều chỉnh được: $\leq 40 - \geq 80$ dB



	Mật độ dòng tối đa: $\geq 5$ bước
	Trung bình khung hoặc độ ổn định $\geq 08$ mức
	Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa lên đến $\geq 04$ lựa chọn.
	Bản đồ mức thang xám: $\geq 8$ loại
	Lọc nhiễu đốm: $\geq 6$ mức
	Nén $\geq 6$ bước hoặc Giảm phản hồi âm thấp: 0 - $\geq 70\%$
	Đảo ảnh: Bật/tắt
	<b>- Thông số quét của Mode M:</b>
	Điều chỉnh được độ khuếch đại: có
	Điều chỉnh được dải động: có
	<b>- Thông số quét của Mode dòng chảy màu</b>
	Mật độ dòng ở chế độ phóng to (Zoom): $\geq 5$ hoặc mật độ dòng (bình thường): $\geq 8$
	Trung bình khung hoặc độ ổn định: $\geq 7$ bước
	PRF: khoảng $\leq 0.1 - \geq 19.8$ kHz
	Bản đồ màu (bao gồm bản đồ vận tốc) $\geq 15$ loại
	Kích thước gói: $\leq 10 - \geq 20$ (tùy đầu dò và ứng dụng) hoặc có thể điều chỉnh ít nhất 3 cấp độ: Lớn, Trung bình, nhỏ
	Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa lên đến $\geq 6$ bước hoặc dải tần số lựa chọn với tất cả các loại đầu dò): $\leq 1.9 - \geq 10$ MHz, (tương đương $\geq 12$ bước)
	Lọc thành: $\geq 4$ bước (mức), phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	Nén hoặc loại bỏ ảnh hưởng do chuyển động cơ thể: $\geq 3$ bước
	Lọc không gian hoặc làm mịn: $\geq 5$ bước

AN  
 NH  
 A K  
 AN P

	Tích lũy màu: có
	<b>- Thông số quét của Mode Doppler xung</b>
	Khoảng điều chỉnh khuếch đại: $\geq 60$ dB
	+ Tần số lặp lại xung (PRF): $\leq 0.3 - \geq 27.5$ KHz
	Lọc thành: $\leq 6 - \geq 5000$ Hz hoặc có $\geq 12$ bước điều chỉnh (phụ thuộc đầu dò)
	Đảo phỏ: Bật/Tắt
	Nén: $\leq 0.5 - \geq 2.4$ hoặc giảm phản hồi âm thấp: Có
	Độ nhạy vẽ đường bao (trace sensitivity): $0 - \geq 40$ hoặc tăng cường thang xám: $\geq 3$ bước
	<b>- Thông số quét của Mode Doppler năng lượng</b>
	Bản đồ màu: $\geq 14$ bản đồ
	Tần số lặp xung (PRF): từ $\leq 0.1$ đến $\geq 19.8$ kHz
<b>8.</b>	<b>Các chức năng đo đạc:</b>
	+ Đo đạc/ Tính toán trong sản khoa
	+ Đo đạc / Tính toán Phụ khoa
	+ Đầy đủ các phép đo cơ bản: khoảng cách, chu vi, thể tích, diện tích, nhịp tim,...
	+ Đo đạc / Tính toán mạch máu
	+ Đo và tính toán niệu khoa
<b>9.</b>	<b>Các thông số kết nối</b>
	- Khả năng kết nối: DICOM 3.0
	- Khả năng kết nối: Cổng ra HDMI hoặc DVI-D, Cổng kết nối USB, kết nối mạng Ethernet

<b>10.</b>	<b>Phụ kiện</b>
	<b>Máy in nhiệt đen trắng</b>
	Độ phân giải: $\geq 300$ dpi
	Khổ giấy in: 110 mm
	In nhiệt
<b>IV</b>	<b>YÊU CẦU KHÁC</b>
	Thời gian giao hàng, lắp đặt: $\leq 90$ ngày kể từ ngày ký hợp đồng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thời gian bảo hành: $\geq 12$ tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng
	Bảo trì 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành hoặc theo quy định về thời gian bảo trì của Hãng sản xuất
	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thiết bị phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam
	Cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 8 năm
	Cam kết cung cấp phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng đối với các thiết bị phải kiểm định chất lượng theo quy định.
	Cam kết cung cấp các chứng chỉ xuất xứ (C/O), chứng chỉ chất lượng (C/Q), tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (invoice), phiếu đóng gói (Packing list), vận tải đợn (bill) khi giao hàng.
	Cam kết có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý sự cố khi nhận được yêu cầu của người sử dụng
	Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.

PH  
EN  
A  
NG

#### 4. Máy phá rung tim (2 pha có tạo nhịp)

STT	Cấu hình - Yêu cầu kỹ thuật lựa chọn
<b>I.</b>	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>

	- Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau
	- Đáp ứng tiêu chuẩn QL chất lượng: ISO 13485, hoặc EC hoặc tương đương
	- Điện áp cung cấp: 220 VAC, 50 Hz
	-Điều kiện môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa tới $\geq 75\%$
<b>II</b>	<b>Yêu cầu cấu hình</b>
	- Máy chính: 01 bộ
	- Dây nối điện tim ECG: 01 bộ
	- Cáp nối điện cực tạo nhịp ngoài: 01cái
	- Điện cực tạo nhịp ngoài: 01 bộ
	- Máy in nhiệt (tích hợp trong máy chính): 01 bộ
	- Pin : 01 Cái
	- Giấy in nhiệt: 01 cuộn
	- Gel tiếp xúc: 01 tuýp
	- Xe đẩy: 01 cái
	- Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
<b>III</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>
<b>1</b>	<b>Tính năng chung :</b>
	- Máy phá rung tim 2 pha hoặc tương đương
	- Có chức năng tạo nhịp tạm thời (external pacing)
	- Có chức năng sốc đồng bộ, không đồng bộ

	- Máy có chức năng tự kiểm tra định kỳ hoặc khi bật máy
<b>2</b>	<b>Chi tiết kỹ thuật</b>
	<b>a. Chức năng máy sốc</b>
	- Có các loại sốc sau: Bằng tay, đồng bộ và tự động sốc ngoài
	- Năng lượng tối đa: $\geq 270$ J
	Độ chính xác năng lượng: $\pm 0.5$ J (tại 2J), $\pm 1$ J (tại 3J), $\pm 2$ J (tại 5 đến 15 J), $\pm 10\%$ (tại 20J đến mức năng lượng tối đa 270J)
	Dạng sóng ra: hai pha
	- Thời gian nạp: $\leq 6$ giây đến mức năng lượng tối đa
	- Hiển thị năng lượng nạp: hiển thị giá trị năng lượng nạp trên màn hình
	Có xả năng lượng đồng bộ
	<b>b. Khuyếch đại điện tim ECG</b>
	- Độ nhạy: bao gồm: $\times 1/4$ , $\times 1/2$ , $\times 1$ , $\times 2$ , $\times 4$
	- Tần số đáp ứng qua cáp ECG: từ $\leq 0.05$ đến $\geq 150$ Hz
	- Dải đếm nhịp tim:
	+ Từ $\leq 15$ đến $\geq 300$ bpm ở chế độ sốc và chế độ theo dõi
	+ Từ $\leq 15$ đến $\geq 220$ bpm ở chế độ tạo nhịp
	+ Trở kháng đầu vào qua cáp điện tim: $\geq 5M\Omega$
	- Hệ số nén nhiễu đồng pha (CMRR): $\geq 100$ dB
	- Loại bỏ xung tạo nhịp: (bật/ tắt)
	- Báo động: Có
	<b>c. Tạo nhịp</b>



	- Độ rộng xung: $\geq 40 \text{ ms} \pm 10\%$
	- Tần số tạo nhịp: Từ $\leq 30$ đến $\geq 180 \text{ ppm}$
	- Cường độ dòng điện: Từ $\leq 10$ đến $\geq 200 \text{ mA}$ ; mỗi bước tăng $\leq 1 \text{ mA}$
	- Có tối thiểu chế độ tạo nhịp: khi đặt và cố định
	<b>d. Màn hình hiển thị</b>
	- Loại màn hình: LCD màu hoặc tương đương
	- Kích thước: $\geq 6.5 \text{ inch}$
	- Độ phân giải $\geq 640 \times 480 \text{ pixel}$
	- Độ dài sóng quét: $\geq 100 \text{ mm}$
	- Tốc độ quét: $\geq 2$ tốc độ cho ECG, nhịp mạch, SpO <sub>2</sub> ; CO <sub>2</sub>
	<b>e. Các nội dung khác</b>
	- Ắc quy: nguồn dự phòng có thể đánh $\geq 100$ lần sốc tại mức năng lượng tối đa, dung lượng $\geq 2800 \text{ mAh}$
	- Máy in: loại in nhiệt, có thể lựa chọn tốc độ in
	- Đảm bảo an toàn, phù hợp với tiêu chuẩn IEC hoặc tương đương
<b>IV</b>	<b>YÊU CẦU KHÁC</b>
	Thời gian giao hàng, lắp đặt: $\leq 90$ ngày kể từ ngày ký hợp đồng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thời gian bảo hành: $\geq 12$ tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng
	Bảo trì 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành hoặc theo quy định về thời gian bảo trì của Hãng sản xuất
	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thiết bị phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam

BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐAN PHƯỢNG

	Cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 8 năm
	Cam kết cung cấp phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng đối với các thiết bị phải kiểm định chất lượng theo quy định.
	Cam kết cung cấp các chứng chỉ xuất xứ (C/O), chứng chỉ chất lượng (C/Q), tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (invoice), phiếu đóng gói (Packing list), vận tải đơn (bill) khi giao hàng.
	Cam kết có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý sự cố khi nhận được yêu cầu của người sử dụng
	Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.

### 5. Máy hút dịch áp lực thấp

STT	Cấu hình - Yêu cầu kỹ thuật lựa chọn
<b>I.</b>	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>
	- Thiết bị mới 100%, máy chính sản xuất năm 2026 trở về sau
	- Đáp ứng tiêu chuẩn QL chất lượng: ISO 13485, hoặc EC hoặc tương đương
	- Điện áp cung cấp: 220 VAC, 50 Hz
	- Điều kiện môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa tới $\geq 75\%$
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU CẤU HÌNH</b>
	<b>Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn 01 bộ bao gồm:</b>
	Bình hút dịch 1.400 ml (polycarbonate)
	Tay cầm ống thông
	Xilanh tạo áp suất âm
	Thanh/ nút điều chỉnh mức áp suất nước
	Van an toàn
	Nắp bình hút
	Ống nối giữa bình và hệ tạo áp

	Giá đỡ bình hút
	Bộ lọc chống nhiễm bẩn bơm
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ
<b>III</b>	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>
	<b>Đặc điểm :</b>
	Loại thiết bị: Máy hút dịch áp lực thấp, hoạt động liên tục
	Ứng dụng: hút dịch trong phẫu thuật, dẫn lưu, các thủ thuật cần áp lực âm thấp, an toàn cho mô mềm
	-Thiết kế dễ tháo lắp, dễ vệ sinh – tiệt khuẩn.
	<b>Thông số kỹ thuật chính</b>
	<b>Thông số vận hành</b>
	-Áp lực hút cài đặt: -3 đến $\geq 20$ cmH <sub>2</sub> O
	-Lưu lượng hút tối đa: $\geq 1,2$ L/phút
	-Nguyên lý: điều chỉnh áp lực bằng mực nước (water column) → ổn định, chính xác
	<b>Bình chứa</b>
	+Dung tích: $\geq 1400$ ml
	+Vật liệu: nhựa polycarbonate chịu lực
	<b>Điện tiêu thụ</b>
	+Nguồn điện: AC 220V, 50–60 Hz
	+Dòng tiêu thụ: $\sim 0.015$ A ( $\approx 3.2$ VA)
	<b>An toàn &amp; kiểm soát áp lực</b>
	+Điều chỉnh áp lực bằng cột nước → ổn định, không gây tổn thương mô
	+Có van an toàn + nguyên lý áp kế tránh quá áp
	<b>Hoạt động liên tục – êm</b>
	+Bơm hút chạy êm, độ ồn thấp

PH  
 EN  
 A  
 NG

	+Cho phép vận hành liên tục trong phòng mổ
	<b>Kiểm soát nhiễm khuẩn</b>
	+Có màng lọc khí bảo vệ bơm
	+Bộ phận tiếp xúc dịch dễ tháo rời, tiệt trùng
	<b>Tương thích điện từ</b>
	+Đạt tiêu chuẩn EMC (chống nhiễu điện từ) hoặc tương đương
	+Không ảnh hưởng thiết bị y tế khác
	<b>Dễ sử dụng</b>
	+Điều chỉnh áp lực trực quan bằng mực nước
	+Thiết kế nhỏ gọn, di động
<b>IV</b>	<b>YÊU CẦU KHÁC</b>
	Thời gian giao hàng, lắp đặt: $\leq 90$ ngày kể từ ngày ký hợp đồng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thời gian bảo hành: $\geq 12$ tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng
	Bảo trì 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành hoặc theo quy định về thời gian bảo trì của Hãng sản xuất
	Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho người sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng
	Thiết bị phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam
	Cam kết cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 8 năm
	Cam kết cung cấp phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng đối với các thiết bị phải kiểm định chất lượng theo quy định.
	Cam kết cung cấp các chứng chỉ xuất xứ (C/O), chứng chỉ chất lượng (C/Q), tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại (invoice), phiếu đóng gói (Packing list), vận tải đơn (bill) khi giao hàng.

HÀ  
M

	Cam kết có mặt trong vòng 48 giờ để xử lý sự cố khi nhận được yêu cầu của người sử dụng
	Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị.

## 6. Giường cấp cứu đa năng có điều khiển

STT	Cấu hình - Yêu cầu kỹ thuật lựa chọn
<b>I.</b>	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>
	- Thiết bị mới 100%, Năm sản xuất: 2026 trở về sau
	- Đáp ứng tiêu chuẩn QL chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương
	- Điện áp cung cấp: 220 VAC, 50 Hz
	- Môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa tới $\geq 40^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa tới $\geq 90\%$
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU CẤU HÌNH:</b>
	- Giường chính: 01 bộ
	- Bánh xe và hệ thống khóa: 01 bộ
	- Thành chắn : 01 bộ (02 cái)
	- Tấm đầu giường : 02 chiếc
	- Điều khiển gắn thành cho nhân viên y tế: 02 chiếc
	- Điều khiển gắn thành cho bệnh nhân: 02 chiếc
	- Ấc qui dự phòng : 01 chiếc
	- Đệm : 01 chiếc
	- Cọc truyền dịch: 01 chiếc
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
<b>III</b>	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT</b>
	<b>Kích thước:</b>
	- Chiều dài giường: Tối thiểu $2.300\text{mm} \pm \leq 10\%$
	- Chiều rộng giường của giường: Tối thiểu $990\text{ mm} \leq 10\%$

- Chiều cao đến mặt giường: dịch chuyển từ $\leq 550\text{mm}$ đến $\geq 720\text{mm}$
- Tải trọng: $\geq 230\text{ kg}$
<b>Các khả năng chuyển động của giường:</b>
Nâng / hạ độ cao / thấp giường: Có
Nâng / hạ phần khớp gối: Có
Nâng / hạ phần lưng: Có
Dốc ngược / dốc xuôi: Có
Chuyển tư thế nằm thẳng và tư thế ghế ngồi bằng 1 nút bấm.
- Góc nâng tựa lưng: từ $0^\circ$ đến $\geq 70^\circ$
- Góc nâng hạ vùng gối: từ $0^\circ$ đến $\geq 20^\circ$
- Góc nghiêng TR/RTR: tối đa $\geq 12^\circ$
- Góc nâng cẳng chân có thể điều chỉnh hai mức.
- Chỉ thị độ dốc phần lưng bằng thang chia độ được ký hiệu để nhận biết : Có
- Chỉ thị độ nghiêng của giường bằng thang chia độ được ký hiệu để nhận biết : Có
- Tấm nâng lưng có cơ chế dịch lùi và nâng cao khi nâng lưng giúp giảm áp lực vùng bụng và lưng.
- Tấm chắn đầu và cuối giường: làm bằng nhựa PE hoặc tương đương
<b>Thanh chắn an toàn</b>
- Thanh chắn 2 bên bằng nhựa PE hoặc tương đương - Thanh giường có thể khóa cố định khi được dựng lên
- Bảng điều khiển cho y tá: Gắn tại mặt ngoài thành chắn hai bên, bao gồm các phím chức năng: +Nút điều chỉnh Trendelenburg / Trendelenburg đảo ngược (TR /RTR) +Nút điều chỉnh chế độ ghế ngồi (cardiac chair) +Nút điều chỉnh nâng hạ tấm lưng +Nút điều chỉnh nâng hạ khuỷu gối +Nút điều chỉnh chiều cao của giường +Nút khoá với đèn chỉ thị dùng để các chức năng của bảng điều khiển của nhân viên y tế và của bệnh nhân +Nút CPR điện: đưa giường và góc nghiêng của giường về vị trí cân bằng

	<p>+Đèn báo độ cao của giường</p> <p>+Đèn báo tình trạng cấp nguồn của giường và báo tình trạng pin</p>
	<p>- Bảng điều khiển cho bệnh nhân: có sẵn phía trong hai bên thành giường, bao gồm các chức năng:</p> <p>+Nút điều chỉnh nâng hạ tấm lưng</p> <p>+Nút điều chỉnh nâng hạ khuỷu gối</p> <p>Giường có cơ chế tạm ngưng hoạt động để bảo vệ tránh quá nhiệt các bộ phận điện</p>
	- Móc treo túi dẫn lưu, túi đựng nước tiểu được tích hợp ở hai bên của tấm hông giường và thành giường phía chân.
	- Giường có các ngàm để cố định dây đai khi cần giữ bệnh nhân.
	- Vòng giảm chấn cao su được tích hợp ở 4 góc giường giúp giảm lực khi va chạm.
	- Có thể tháo tấm nâng hông để vệ sinh phần dưới của tấm nâng hông hoặc bảo trì giường.
	- Mặt dưới của tấm nâng lưng, tấm nâng khuỷu gối và tấm nâng chân dễ dàng vệ sinh bằng cách nâng lên
	<b>Bánh xe:</b>
	-Kích thước bánh xe: $\geq 150$ mm
	-Hệ thống khóa bánh xe toàn bộ cả 4 bánh tích hợp trên 2 bánh cuối giường cho điều khiển 3 vị trí:
	+ Khóa toàn bộ 4 bánh,
	+Mở cho phép 4 bánh di chuyển tự do,
	+ Lái thẳng với 1 bánh dẫn hướng.
	<b>Chức năng CPR (cấp cứu):</b>
	-Cho phép đưa phần đầu giường (tấm lưng giường) về vị trí phẳng khẩn cấp
	-Chức năng trở lại tư thế CPR điện tử được điều khiển bằng 1 nút bấm trên bộ điều khiển cho y tá; chức năng trở lại tư thế CPR thủ công tích hợp phía đầu tấm nâng lưng.
	<b>Ắc quy:</b>
	- Có thể sạc dùng nhiều lần, dung lượng pin $\geq 1,3$ Ah.
	<b>Đệm:</b>
	- Kích thước đệm tương ứng với mặt giường: $2000 \times 860$ mm $\pm \leq 10$ mm, có xử lý kháng khuẩn



	<b>Vật liệu:</b>
	-Khung chính: được làm bằng thép sơn tĩnh điện hoặc tương đương.
	-Tấm mặt giường: được làm bằng thép sơn tĩnh điện hoặc tương đương.
	<b>An toàn điện :</b> hoặc tương đương -Tiêu chuẩn an toàn được áp dụng: + EN 60601-1-2:2015 + Bảo vệ chống sóc điện: Lớp 1, Loại B Hoặc tương đương
<b>IV</b>	<b>Yêu cầu khác</b>
	- Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng: Bệnh viện đa khoa Đan Phượng
	- Thời gian bảo hành: $\geq 12$ tháng kể từ ngày ký nghiệm thu đưa vào sử dụng.
	Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: $\leq 06$ tháng/lần và theo quy định của nhà sản xuất.
	- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: $\leq 24$ giờ.
	- Là nhà phân phối chính thức sản phẩm của nhà sản xuất hoặc được ủy quyền hợp pháp. Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế tối thiểu 08 năm.
	- Chào giá bảo trì hàng năm, ghi rõ điều kiện bảo trì định kỳ và đột xuất.
	- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 05 năm sau thời gian bảo hành.

PH  
IÊN  
ĐA  
KHOA  
ĐAN  
PHƯỢNG

## Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế;

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/ khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VNĐ)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VNĐ)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày.... tháng.... năm.... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày... tháng... năm... [ghi ngày.... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*



### **Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo

hiếm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.